

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 03-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Hòa.

2. Ông Nguyễn Đức Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 03-01-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2019/TLST-HS ngày 20-12-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/QĐXXST-HS ngày 23-12-2019 đối với:

1. Bị cáo: Lê Văn A, sinh năm 1975; HKTT, chỗ ở: Thôn N, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông Lê Văn B và bà Lâm Thị C; Vợ là: Nguyễn Thị E, sinh năm 1976; Có 03 người con, con lớn sinh năm 1995 và con nhỏ sinh năm 2007; Nhân thân: Ngày 15-6-2000, bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng xử phạt 04 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 31-8-2004; Tiền án: Tại bản án số 45 ngày 04/9/2003 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xử phạt A 01 năm 07 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Tại bản án số 104 ngày 07/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt A 07 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự (tình tiết tái phạm nguy hiểm); Tại bản án số 72 ngày 26/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng xử phạt A 08 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, tổng hợp hình phạt còn lại A phải chấp hành 09 năm 04 tháng 16 ngày (chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/01/2019); A bị bắt tạm giam từ ngày 02-8-2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt).

2. Người bị hại: Ông Đinh Hứa G, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn L, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn Ninh Tập, xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ ngày 02/7/2019, Lê Văn A ở thôn N, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên đeo một chiếc đèn pin trên đầu đi bắt nhái về làm mồi câu cá. Khi đi qua trang trại nhà anh Đinh Hứa G sinh năm 1975 ở thôn Ngọc Nha Thượng, xã Phùng Hưng A quan sát thấy bên trong không có người nên đã nảy sinh ý định vào trang trại của anh G để trộm cắp tài sản. A đi đến gần khu vực tường rào thép gai B40 dùng tay ấn bờ rào thép xuống rồi trèo qua bờ rào đi vào trang trại nhà anh G. Khi vào trang trại A đi một vòng quanh khu trang trại để tìm kiếm tài sản. Khi đi đến sát bờ ao thì A nhìn thấy 01 bộ máy rửa xe gồm 01 mô tơ và một máy nén khí. A dùng hai tay bê bộ máy này ra vị trí hàng rào dây thép B40 mà A vừa đi vào. A đặt bộ máy rửa xe lên hàng rào làm hàng rào dây thép gai trùng xuống. A trèo qua hàng rào để ra ngoài trước rồi tiếp tục bê bộ máy rửa xe đi ra khu vực đường 377 để mang đi tiêu thụ. Khi ra đến đường 377 thì A vấy được một chiếc xe ô tô tải (không nhớ biển số xe và tên, địa chỉ người lái xe) và xin đi nhờ thì được người đàn ông lái xe cho đi nhờ. A bê bộ máy rửa xe để trên thùng xe còn A ngồi trong cabin xe. Khi xe đi đến khu vực xã Q, huyện K thì A xuống xe và bê bộ máy rửa xe đi đến nhà anh Dương Văn L sinh năm 1968 ở thôn Ninh Tập, xã Đại Tập để bán. Anh L đã đồng ý mua của A bộ máy rửa xe với số tiền 800.000đồng. A cầm tiền rồi thuê một chiếc xe taxi (không nhớ biển số và hãng taxi) đi đến khu vực huyện Mỹ Hào (A khai không nhớ địa điểm cụ thể) để tìm mua ma túy về sử dụng. A mua ma túy của một người đàn ông lạ mặt với số tiền 500.000đồng, rồi lại đi xe taxi quay về nhà và đã sử dụng hết số ma túy đã mua.

Cùng ngày anh Đinh Hứa G đã có đơn trình báo cơ quan công an. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác minh thu thập trích xuất hình ảnh camera được lắp đặt tại trang trại nhà anh G, đồng thời triệu tập A lên Cơ quan điều tra để làm rõ.

Ngày 03/7/2019 anh Dương Văn L đã tự nguyện giao nộp 01 bộ máy rửa xe gồm 01 mô tơ và 01 đầu rửa nhãn hiệu NAKAWA model NK-48 do Đài Loan sản xuất là tài sản mà A đã bán cho anh L. Ngày 05/7/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra đã có yêu cầu định giá đối với chiếc máy rửa xe gồm: một mô tơ và một máy nén khí, nhãn hiệu NAKAWA Model NK- 48 do Đài Loan sản xuất; kích thước 64x41x39 cm đưa vào sử dụng năm 2019; Bộ máy rửa xe trên được gắn trên bộ máy bằng kim loại có kích thước (76x26x8) cm. Tại bản kết luận định giá tài sản số 70 ngày 17/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng

hình sự kết luận: Tổng giá trị thị trường của tài sản đã qua sử dụng tại thời điểm định giá là 2.732.000đồng.

Ngày 09/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định 01 USB chứa đoạn file hình ảnh trưng cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 4734 ngày 16/9/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: không tìm thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung tệp video gửi giám định; Trích xuất hình ảnh và mô tả hành động của 01 người có ngoại hình nam giới, mặc áo cộc tay, quần đùi, đi dép, đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm có thiết bị chiếu sáng trong đoạn video gửi giám định (kèm theo kết luận giám định là 01 bản ảnh, gồm 03 trang giấy khổ A4).

Đối với anh Dương Văn L khi mua tài sản do không biết đó là tài sản do A trộm cắp nên không có căn cứ xử lý; Đối với người lái xe ô tô cho A đi nhờ và người lái xe taxi cùng người đàn ông bán ma túy cho A, do A không biết tên, địa chỉ cụ thể nên không căn cứ để xác minh xử lý.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-KC ngày 19-12-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Lê Văn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lê Văn A thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Văn A về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Lê Văn A từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02-8-2019; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với A; Về dân sự, buộc A phải trả lại cho ông Được số tiền là 800.000đồng. Trường hợp, bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được lỗi làm của mình, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định; sơ đồ khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường; biên bản nhận diện qua Video, thể hiện: Khoảng 20 giờ ngày 02-7-2019, Lê Văn A đã có hành vi trộm cắp 01 bộ máy rửa xe gồm một mô tơ và máy nén khí nhãn hiệu NAKAVA Model NK-48 do Đài Loan sản xuất, có giá trị là 2.732.000đồng (*hai triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng*) của gia đình ông Đinh Hứa G, sinh năm 1975 ở thôn N, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Sau đó, A mang bán cho ông Dương Văn L, sinh năm 1968 ở thôn Ninh Tập, xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên được số tiền là 800.000đồng (*tám trăm nghìn đồng*). Lê Văn A đã tái phạm chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý nên hành vi của Lê Văn A đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Lê Văn A theo tội danh và điều luật áp dụng được thể hiện trong Cáo trạng số 03/QĐ-VKS-KC ngày 19-12-2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội, thể hiện bị cáo không chịu rèn luyện bản thân nên cần xử lý nghiêm.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, được thể hiện bởi việc bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không chịu rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tuy bị cáo đã nhiều lần bị kết án đến nay chưa được xóa án tích nhưng được xác định là tình tiết định khung

tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do A trộm cắp là 01 bộ máy rửa xe gồm một mô tơ và máy nén khí nhãn hiệu NAKAVA Model NK-48 do Đài Loan sản xuất, có giá trị là 2.732.000đồng (*hai triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng*); Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho người bị hại là ông Đinh Hứa G, ông G không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đặt ra giải quyết. Đối với số tiền 800.000đ, ông Được đã trả bị cáo A khi mua tài sản nói trên, xác định ông Được không có lỗi nên buộc bị cáo A phải trả lại cho ông Dương Văn L số tiền là 800.000đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

[6]. Về án phí: Bị cáo Lê văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Lê Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt Lê Văn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02-8-2019.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc Lê Văn A phải hoàn trả lại cho ông Dương Văn L, sinh năm 1968 ở thôn Ninh Tập, xã Đại tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên số tiền là 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê văn A phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí trách nhiệm dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- UBND các xã: Phùng Hưng, Đại Tập;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Huấn